

**CÔNG TY TNHH TRÀ ĐẠO QUÁN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRÀ ĐẠO QUÁN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRA DAO QUAN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRA DAO QUAN CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110312393

**3. Ngày thành lập:** 06/04/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Sen Chiêu, Xã Sen Phương, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942965252

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn chè;<br>- Bán buôn rau, quả;<br>- Bán buôn cà phê;<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.                                                                                                                                                                                                                                                        | 4632(Chính) |
| 2.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4633        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; | 4649        |
| 4.  | Trồng cây cà phê                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0126        |
| 5.  | Trồng cây chè                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0127        |
| 6.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 0128        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8299        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn về nông học;<br>- Tư vấn về công nghệ khác                                                                                                                                                                                                                      | 7490 |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4690 |
| 10. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                             | 4711 |
| 11. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4719 |
| 12. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4721 |
| 13. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4722 |
| 14. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4723 |
| 15. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1030 |
| 16. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1040 |
| 17. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1050 |
| 18. | Xay xát và sản xuất bột thô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1061 |
| 19. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1062 |
| 20. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1071 |
| 21. | Sản xuất đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1072 |
| 22. | Sản xuất chè                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1076 |
| 23. | Sản xuất cà phê                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1077 |
| 24. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn;<br>- Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã);<br>- Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến;<br>- Sản xuất thực phẩm chức năng | 1079 |
| 25. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1104 |
| 26. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;<br>- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;<br>- Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm;                                                                                    | 2029 |
| 27. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2391 |
| 28. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2392 |
| 29. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2393 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ.                                                                                                                                                                         | 4781 |
| 31. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4782 |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                               | 4789 |
| 33. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5610 |
| 34. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5621 |
| 35. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5629 |
| 36. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5630 |
| 37. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 38. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;                                                                                                                                                                                        | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 680.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: BÙI TRUNG THÀNH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 30/05/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030092000095

Ngày cấp: 11/10/2022 Nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Căn hộ số 908, Chung cư PVV Vinapharm, số 60B Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ số 908, Chung cư PVV Vinapharm, số 60B Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI TRUNG THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/05/1992 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030092000095

Ngày cấp: 11/10/2022 Nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Căn hộ số 908, Chung cư PVV Vinapharm, số 60B Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ số 908, Chung cư PVV Vinapharm, số 60B Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội